

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 - ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2026/DS-ST
Ngày: 20 - 01 - 2026.
V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phấn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Nhàn.

2. Bà Cao Thị Diệu Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Bích Vân – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Đồng Tháp tham gia phiên toà: Ông Lê Tấn Việt - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 01 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 330/2025/TLST-DS ngày 12/11/2025, về việc “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 197/2025/QĐXXST-DS ngày 15/12/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 126/2025/QĐST-DS ngày 31/12/2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần V

Địa chỉ trụ sở: Số 89, phường Đ, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền:

- Anh Châu Nhật T – Cán bộ xử lý nợ;

- Anh Đặng Nguyễn Xuân K – Cán bộ xử lý nợ;

Cùng địa chỉ: Số 171-173, Phường C, tỉnh Đ1 (*Giấy ủy quyền số 2052/2025/UQ-VPB ngày 21/10/2025*).

2. *Bị đơn:* Chị Trần Mỹ P, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Số nhà 70/16A, Khóm X, Phường Y, thành phố S, tỉnh Đ1 (Nay là: Số nhà 70/16A, khóm M, phường Y, tỉnh Đ).

Tại phiên tòa anh Đặng Nguyễn Xuân K có đơn xin vắng mặt; chị Trần Mỹ P vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh V là anh Đặng Nguyễn Xuân K trình bày:

Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh V (gọi tắt là Ngân hàng) và chị Trần Mỹ P có ký 03 Hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

Hợp đồng thứ nhất: Ngày 11/8/2022, chị P có ký Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử số LN2208116473875 với Ngân hàng V, nội dung chị P vay của Ngân hàng số tiền là 150.000.000 đồng, ngày 11/8/2022 Ngân hàng đã giải ngân cho chị P số tiền 150.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất vay thỏa thuận là 27%/năm, mục đích vay phục vụ nhu cầu đời sống, vay không có tài sản đảm bảo. Hình thức thanh toán là thu nợ từ tài khoản của khách hàng mở tại Ngân hàng V. Quá trình thực hiện hợp đồng chị P đã thanh toán được cho Ngân hàng số tiền vốn gốc là 96.607775 đồng, lãi là 65.532.027 đồng. Từ ngày 15/10/2024 chị P không thanh toán cho Ngân hàng là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng.

Tạm tính đến ngày 03/7/2025 chị P còn nợ Ngân hàng số tiền vốn gốc là **53.392.225 đồng**, nợ lãi là 16.047.801 đồng, tổng cộng vốn, lãi là **69.440.026 đồng**.

Hợp đồng thứ hai: Ngày 25/8/2022, chị P có ký Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử số 384-P-8257994 với Ngân hàng V, nội dung chị P vay của Ngân hàng số tiền là 70.000.000 đồng, không phải là 5.000.000 đồng như trên đơn khởi kiện đề ngày 21/7/2025. Ngày 25/8/2022 Ngân hàng đã giải ngân cho chị P số tiền 70.000.000 đồng, lãi suất vay thỏa thuận là 47,88%/năm, mục đích vay phục vụ nhu cầu đời sống, vay không có tài sản đảm bảo. Hình thức thanh toán là thu nợ từ tài khoản của khách hàng mở tại Ngân hàng V. Từ ngày 22/7/2024 chị P không thanh toán cho Ngân hàng là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng.

Tạm tính đến ngày 03/7/2025 chị P còn nợ Ngân hàng số tiền vốn gốc là **70.000.000 đồng**, nợ lãi là 47.794.734 đồng, tổng cộng vốn, lãi là **117.794.734 đồng**.

Hợp đồng thứ ba: Ngày 10/4/2023, chị P có ký Hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm với Ngân hàng V, nội dung chị P vay của Ngân hàng V số tiền là 47.000.000 đồng, thời hạn cho vay tính từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đến ngày 15/3/2026, mục đích vay phục vụ nhu cầu đời sống, vay không có tài sản đảm bảo. Ngày 10/4/2023 Ngân hàng đã giải ngân cho chị P số tiền 47.000.000 đồng, lãi suất vay thỏa thuận là 34%/năm. Hình thức thanh toán là thu nợ từ tài khoản của khách hàng mở tại Ngân hàng V. Quá trình thực hiện hợp đồng chị P đã thanh toán được cho Ngân hàng V số tiền vốn gốc là 18.272.550 đồng, lãi là 20.624.173 đồng. Từ ngày 15/11/2024 chị P không thanh toán cho Ngân hàng là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng.

Tạm tính đến ngày 03/7/2025 chị P còn nợ Ngân hàng số tiền vốn gốc là **28.727.450 đồng**, nợ lãi là **9.407.335 đồng**, tổng cộng vốn, lãi là **38.134.785 đồng**.

Nhiều lần Ngân hàng đã nhắc nhở yêu cầu chị P thanh toán nợ nhưng đến nay chị P cố tình trốn tránh không trả nợ cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện cụ thể là yêu cầu chị Trần Mỹ P trả cho Ngân hàng số tiền vốn vay, nợ lãi tạm tính đến ngày 03/7/2025 tổng cộng số tiền là 225.369.545 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi từ ngày 04/7/2025 theo thỏa thuận trong các Hợp đồng cho vay; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử cho đến khi chị P thanh toán hết nợ.

Bị đơn chị Trần Mỹ P dù đã được tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ, nhưng không có văn bản nêu ý kiến, không đến Tòa án để làm việc, không xuất trình bất cứ tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thống nhất về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chị Trần Mỹ P không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, không chấp hành đúng quy định tại Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX:

- Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh V. Buộc chị Trần Mỹ P trả cho Ngân hàng số tiền vốn vay, nợ lãi tạm tính đến ngày 03/7/2025 tổng cộng số tiền là 225.369.545 đồng và tiếp tục trả lãi từ ngày 04/7/2025 theo thỏa thuận trong các Hợp đồng cho vay; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử cho đến khi chị P thanh toán hết nợ.

- Về án phí: Chị Trần Mỹ P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa đổi bổ sung năm 2025. Bị đơn có nơi cư trú tại Phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của

Toà án nhân dân Khu vực 8 – Đồng Tháp theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa đổi bổ sung năm 2025.

[2] Về tố tụng: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đối với bị đơn quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự nhưng bị đơn chị P, không có văn bản trình bày ý kiến, cũng không đến Tòa án để làm việc, vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án. Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị P theo quy định.

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3.1] Về trình tự thủ tục và nội dung xác lập các hợp đồng: Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử số LN2208116473875, ngày 11/8/2022; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử số 384-P-8257994 ngày 25/8/2022; Hợp đồng cho vay số LD2310002629 ngày 10/4/2023 giữa bên cho vay là Ngân hàng với bên vay là chị Trần Mỹ P, hợp đồng được lập thành văn bản, mục đích và nội dung các thỏa thuận hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, có hình thức và nội dung phù hợp với quy định tại Điều 117, Điều 118 và Điều 119 của Bộ luật Dân sự. Vì vậy, các hợp đồng tín dụng có hiệu lực làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên kể từ thời điểm ký kết.

[3.2] Quá trình thực hiện hợp đồng thì chị P đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán trong các hợp đồng tín dụng, chưa trả đầy đủ vốn và lãi cho Ngân hàng theo như hợp đồng đã ký kết. Về phía chị P quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho chị P (mẹ ruột chị P là bà Đặng Thị Mỹ Hà nhận thay và có cam kết giao lại cho chị P) các văn bản tố tụng và giấy triệu tập theo quy định của pháp luật nhưng chị P vẫn không đến Tòa án theo giấy triệu tập, không cung cấp tài liệu chứng cứ, cũng không có văn bản trình bày ý kiến phản bác đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 91 BLTTDS thì xem như chị P đã từ bỏ quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu chị P trả số tiền vốn vay và tiền lãi tạm tính đến ngày 03/7/2025 tổng cộng số tiền là 225.369.545 đồng và yêu cầu tiếp tục trả lãi từ ngày 04/7/2025 theo thỏa thuận trong các Hợp đồng cho vay; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử cho đến khi chị P thanh toán hết nợ là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn chị Trần Mỹ P phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm số tiền là (225.369.545 đồng x 5% = 11.268.477 đồng, lấy tròn là 11.268.000 đồng).

[5] Ý kiến phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp

với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 5, 26, 35, 39, 70, 92, 147, 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 100, 103 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024;

Căn cứ vào các Điều 280, 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn lỗi, lỗi suất, phạt vi phạm trong hợp đồng vay tài sản.

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần V.

Buộc chị Trần Mỹ P trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền vốn vay và lãi tạm tính đến ngày 03/7/2025 là 225.369.545 đồng (*Hai trăm hai mươi lăm triệu ba trăm sáu mươi chín ngàn năm trăm bốn mươi lăm đồng*) và tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 04/7/2025 theo các Hợp đồng cho vay số LD2310002629, ngày 10/4/2023; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử số LN2208116473875, ngày 11/8/2022 và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử số 384-P-8257994, ngày 23/8/2022 cho đến khi chị P trả xong nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Trần Mỹ P phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 11.268.000 đồng (*Mười một triệu hai trăm sáu mươi tám ngàn đồng*).

- Ngân hàng TMCP V được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.635.000 đồng theo biên lai thu số 0007417, ngày 10/11/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án tỉnh Đồng Tháp;
- Viện kiểm sát ND khu vực 8 – Đồng Tháp;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Phấn